

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày 02-8-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Bà Nguyễn Thị Phin

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký Toà án nhân dân
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải
Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2023/TLST-
HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm
2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7
năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NNA; nơi cư trú: Thôn 5 A, xã B, huyện C, thành phố Hải
Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh PTH; nơi cư trú: Số 8 đường D, phường E, quận F, thành phố
Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự xin ly hôn và bản
tự khai, nguyên đơn chị NNA trình bày:

Năm 2018, chị NNA và anh PTH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký
kết hôn vào ngày 26/7/2018 tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải

Phòng. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, anh chị đã có 01 con chung, sau này phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng có sự khác biệt về lối sống, tính cách không phù hợp trong sinh hoạt và nuôi dạy con, nên quan hệ vợ chồng và cuộc sống gia đình ngày một xấu đi, vợ chồng thường xuyên xô xát, anh chị đã được gia đình động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng, anh chị đã sống ly thân hơn một năm không quan tâm đến nhau, kinh tế riêng biệt. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị NNA đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh PTH.

- Về con chung: Chị NNA và anh PTH có 01 con chung là G, sinh ngày 03/8/2018. Ly hôn chị NNA nhận nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị NNA không yêu anh PTH phải cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị NNA và anh PTH không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh PTH không đến Tòa án để giải quyết và tham gia hòa giải cùng chị NNA; sau khi thụ lý vụ án anh PTH tiếp tục không hợp tác, không viết bản tự khai, thể hiện tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị NNA vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh PTH. Bị đơn anh PTH vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị NNA được ly hôn anh

PTH. Về việc nuôi con: Giao con chung G, sinh ngày 03/8/2018 cho chị NNA trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung chị NNA không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí chị NNA phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh PTH cư trú tại số 8 đường D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án:

[2] Ngày 16 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thụ lý vụ án, đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị NNA vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh PTH vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị NNA và bị đơn anh PTH theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa chị NNA và anh PTH được xác lập từ ngày 26/7/2018 là hoàn toàn tự nguyện. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng. Vì vậy hôn nhân giữa chị NNA và anh PTH là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, anh

chị đã có 01 con chung, sau này phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, giữa hai vợ chồng có sự khác biệt về lối sống, tính cách không phù hợp trong sinh hoạt hằng ngày và nuôi dạy con, nên sự gắn kết trong gia đình ngày một xấu đi, vợ chồng thường xuyên xô xát, anh chị đã được gia đình động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng, anh chị đã sống ly thân hơn một năm, không quan tâm đến nhau, kinh tế riêng biệt. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị NNA đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh PTH

[5] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị NNA, lời khai của người làm chứng và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã khuyên giải động viên nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên căng thẳng, vợ chồng thường xảy ra bất hòa. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng, tính đến ngày chị NNA làm đơn xin ly hôn anh chị đã sống ly thân hơn một năm, không quan tâm đến nhau, cuộc sống và kinh tế riêng biệt. Căn cứ vào đơn đề nghị của chị NNA, căn cứ quy định của pháp luật, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh PTH đều vắng mặt không có lý do. Như vậy; thể hiện anh không thiết tha, thiện chí kết hợp cùng với Tòa án để hoà giải việc đoàn tụ gia đình. Quan điểm của địa phương xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của NNA và theo quy định của pháp luật. Xét mâu thuẫn giữa chị NNA và anh PTH đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị NNA.

+ Về việc nuôi con:

[6] Chị NNA và anh PTH có một con chung là G, sinh ngày 03/8/2018. Ly hôn chị NNA nhận nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu anh PTH phải cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi vợ chồng sống ly thân con chung của anh chị vẫn ở với chị NNA, nhưng vì anh PTH không hợp tác lên tòa để giải quyết hòa giải việc ly hôn. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi chị NNA đề nghị được tiếp tục nhận nuôi con. Mặt khác con của chị còn nhỏ, rất cần có sự chăm sóc của mẹ sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Do vậy, cần áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị NNA, giao con chung G cho chị NNA trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị NNA tạm thời không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[7] Chị NNA và anh PTH không có tài sản, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[8] Chị NNA phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[9] Chị NNA và anh PTH được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị NNA:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị NNA được ly hôn anh PTH.

- Về việc nuôi con: Giao con chung G, sinh ngày 03/8/2018 cho chị NNA trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị NNA tạm thời không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về việc chia tài sản: Chị NNA và anh PTH không có tài sản, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị NNA phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị NNA đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009740 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị NNA đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị NNA, anh PTH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hồng bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng bàng;
- UBND phường E, quận F, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 26/7/2018);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười